

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 27/2024/HS-ST

Ngày: 29-8-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức, ông Bùi Ngọc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử, **Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ**, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 14-3-1982, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **Tổ dân phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa lớp: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn M** và bà **Nguyễn Thị N**; vợ là **Vũ Thị Mỹ L** (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 31/2019/HSST ngày 09/07/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/01/2020. Năm 2020 bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 26/2020/HSST ngày 16/06/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/11/2020, bị cáo đã được xóa án tích theo quy định. Ngày 28/05/2024 **Nguyễn Văn T** bị **Công an thị xã Buôn Hồ** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1973, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Xuân H1, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn I, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Ngọc H là hai anh em ruột, cùng sinh sống và đi chung công ra vào tại địa chỉ Hẻm C P, TDP B, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 11 giờ 00 ngày 25/5/2024, lợi dụng lúc anh H đi vắng, bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp xe máy cày của anh H đang để ở kho phía sau nhà bán lấy tiền tiêu xài. T đi đến xe máy cày, nổ máy và điều khiển xe rời khỏi nhà (trên đầu máy xe máy cày có gắn 01 đầu phun áp lực, phía sau rơ moóc xe máy cày có một bộ tời), T điều khiển xe máy cày đi hướng về xã C, thị xã B để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, T đến điểm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Kim L1 tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thỏa thuận bán cho bà L1 bộ tời trên với giá thu mua phế liệu là 10.000 đồng/kg, được số tiền là 600.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe máy cày đến khu vực chòi rẫy của nhà mình gần đường tránh T tại đây. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 26/5/2024, T điều khiển chiếc xe máy cày trên đi ra quán nước của anh Trần Xuân H1 tại thôn I, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk uống nước. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, T nói với anh H1 rằng T có con đang nằm bệnh viện, do cần tiền nên muốn bán chiếc xe máy cày, sau đó hai bên thỏa thuận mua bán chiếc xe máy cày với giá 11.000.000 đồng, sau khi lấy được tiền T đi đến tiệm cầm đồ “Bé T1” tại địa chỉ phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk gặp chị Võ Thị T2 để chuộc lại 02 giấy phép lái xe của T đã cầm cố trước đó với giá 2.064.000 đồng, đồng thời T mua của chị T2 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu V-smart với giá 1.500.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Nguyễn Ngọc H đã trình báo vụ việc cho Công an phường B, thị xã B. Cơ quan Công an đã triển khai xác minh và tiến hành thu giữ các tài sản T đã trộm cắp. Ngày 27/05/2022, T được mời về trụ sở cơ quan Công an làm việc và đã khai nhận rõ nội dung diễn biến hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu V-smart cùng số tiền 6.500.000 đồng, còn số tiền 5.100.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ gồm: 01 đầu máy động cơ diesel nhãn hiệu RV 125-2; 01 dàn xe nhãn hiệu Yanmar YC80; 01 rơ moóc máy cày bằng kim loại, sàn bằng gỗ; 01 bộ tời bằng kim loại, bên trong có 01 cuộn dây cáp dài 50 mét, đường kính 1,2cm; 01 đầu phun áp lực 03 ty kim loại, tình trạng đã qua sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 30/05/2024, của Hội đồng định giá tài sản 3422 - Ủy ban nhân dân thị xã B, kết luận: 01 đầu máy động cơ diesel nhãn hiệu RV 125-2; 01 dàn xe nhãn hiệu Yanmar YC80; 01 rơ moóc máy cày bằng kim loại, sàn bằng gỗ; 01 bộ tời bằng kim loại, bên trong có 01 cuộn dây cáp dài 50 mét, đường kính 1,2cm; 01 đầu phun áp lực 03 ty kim loại, tình trạng đã qua sử dụng. Tổng trị giá các tài sản nêu trên tại thời điểm định giá ngày 25/5/2024 là 15.700.000 đồng.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSBH ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức xem thường pháp luật của Nhà nước, quyền sở hữu tài sản của người khác và vì động cơ tư lợi cá nhân, nên ngày 25/05/2024, lợi dụng lúc anh Nguyễn Ngọc H không có ở nhà, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy cày có gắn 01 đầu phun áp lực và 01 bộ tời, trị giá 15.700.000 đồng.

Như vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/5/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc H đã nhận lại đầy đủ các tài sản, nên không có yêu cầu gì về dân sự. Bà Nguyễn Thị Kim L1, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 11.000.000 đồng cho Trần Xuân H1.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H 01 đầu máy động cơ diesel nhãn hiệu RV 125-2; 01 dàn xe nhãn hiệu Yanmar YC80; 01 rơ moóc máy cày bằng kim loại, sàn bằng gỗ; 01 bộ tời bằng kim loại, bên trong có 01 cuộn dây cáp dài 50 mét,

đường kính 1,2cm; 01 đầu phun áp lực 03 ty kim loại, tình trạng đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Ngọc H.**

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu V-smart Joy 3 và số tiền 6.500.000 đồng đang tạm giữ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thị xã B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận ngày 25/05/2024, tại địa chỉ **Hẻm C P, TDP B, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**, lợi dụng lúc anh **Nguyễn Ngọc H** không có ở nhà, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy cày có gắn 01 đầu phun áp lực và 01 bộ tời.

[3] Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã có hành vi trộm cắp của bị hại tài sản có giá trị là 15.700.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, xâm hại đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, thiệt hại mà bị cáo gây ra không lớn, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và cộng đồng, đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, về hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** bồi thường số tiền 11.000.000 đồng cho **Trần Xuân H1**, là phù hợp với quy định tại Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Anh **Nguyễn Ngọc H** đã nhận lại đầy đủ các tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự. Đối với thiệt hại của bà **Nguyễn Thị Kim L1**, bà **L1** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Việc Cơ quan CSĐT **Công an thị xã B** đã trả lại cho anh **Nguyễn Ngọc H** 01 đầu máy động cơ diesel nhãn hiệu RV 125-2; 01 dàn xe nhãn hiệu Yanmar YC80; 01 rơ moóc máy cày bằng kim loại, sàn bằng gỗ; 01 bộ tời bằng kim loại, bên trong có 01 cuộn dây cáp dài 50 mét, đường kính 1,2cm; 01 đầu phun áp lực 03 ty kim loại, tình trạng đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Ngọc H**,

là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX cần chấp nhận.

[10.2] Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu V-smart Joy 3 và số tiền 6.500.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

[11] Đối với việc bà **Nguyễn Thị Kim L1** và anh **Trần Xuân H1** đã mua tài sản của bị cáo **T**. Tuy nhiên, bà **L1** và anh **H1** không biết đây là tài sản do **T** trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B**, không đề cập xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/5/2024.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải bồi thường cho anh **Trần Xuân H1** số tiền 11.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT **Công an thị xã B** đã trả lại cho đã trả lại cho anh **Nguyễn Ngọc H** là chủ sở hữu hợp pháp 01 đầu máy động cơ diesel nhãn hiệu RV 125-2; 01 dàn xe nhãn hiệu Yanmar YC80; 01 rơ mooc máy cày bằng kim loại, sàn bằng gỗ; 01 bộ tời bằng kim loại, bên trong có 01 cuộn dây cáp dài 50 mét, đường kính 1,2cm; 01 đầu phun áp lực 03 ty kim loại, tình trạng đã qua sử dụng.

- **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu

200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:** Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- THA hình sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung